TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐST

Ngày: 17-01-2023

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Ngọc Cư

2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/HNGĐST ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2022/QĐST-HPT ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Doãn N – sinh năm: 1983; HKTT và trú tại: K, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Thùy H – sinh năm: 1982; HKTT: A, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Trú tại: Số nhà V, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Doãn N và chị Trần Thùy H có tìm hiểu trước khoảng 5 năm, trước đây có tổ chức đám cưới vào năm 2010. Sau đó anh, chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng kí kết hôn. Sau khi tổ chức kết hôn, anh, chị chung sống tại địa chỉ: Lô 13, ô 26, Đền Lừ I, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Việc anh, chị chung sống là do có con chung chứ bản thân anh N không có tình cảm với chị H . Chính vì vậy anh, chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống. Do không đăng kí kết hôn nên anh N phải khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai và đã được Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai giải quyết. Sau đó, chị H có làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhưng vắng mặt 2 lần nên cấp phúc thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, sau khi giải quyết xong yêu cầu khởi kiện không công nhận vợ chồng, anh N và chị H đăng kí kết hôn lần đầu vào ngày 31/12/2020 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Lý do anh, chị đăng kí kết hôn là vì con chung, anh N và chị H muốn cho nhau cơ hội để cháu có đầy đủ bố mẹ chăm sóc. Ngoài ra, chị H cũng có nguyện vọng đăng kí kết hôn để cháu có đầy đủ bố mẹ về mặt pháp lý và chỉ khi đăng kí kết hôn chị H mới tạo điều kiện để anh N được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Từ khi đăng kí kết hôn đến nay, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh N , chị H tuy có nói chuyện lại 1-2 lần nhưng không thể hàn gắn, anh, chị không chung sống cùng nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh, chị chỉ chung sống hạnh phúc khoảng 03 tháng đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm đến ai. Anh, chị thường xuyên cãi nhau, chửi nhau, có đánh nhau. Việc mâu thuẫn của anh, chị gia đình, hàng xóm và tổ dân phố nơi anh, chị sinh sống đều

có chứng kiến. Ngoài ra, gia đình anh N và chị H khi chung sống cũng có mâu thuẫn, mẹ anh N và chị H đã xô xát, cãi nhau rất nhiều lần khi sinh hoạt chung.

Nay, anh N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có phương án hòa giải, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị H .

2. Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn L1 – sinh ngày 10/4/2010. Do hiện tại cháu đang ở với chị H và vẫn đang phát triển tốt, để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu, anh N đề nghị để chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Anh N đề nghị cấp dưỡng 03 triệu/tháng từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành, đề nghị chị H không cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung. Trường hợp cháu có nguyện vọng ở với anh N thì anh N cũng đồng ý và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của chị Trần Thùy H để triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc ở Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm của mình và không bổ sung thêm ý kiến, tài liệu nào khác; bị đơn vắng mặt nên không trình bày được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn còn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Doãn N . Anh Nguyễn Doãn N được ly hôn với chị Trần Thùy H

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Doãn L1 – sinh ngày 10/4/2010. Căn cứ ý kiến trình bày của bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX giao cháu L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị H không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng; anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị chấp nhận ý kiến của anh N : anh N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 01/2023 đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nhà đất, và công nợ: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có ý kiến trình bày nên không xem xét.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Doãn N có đơn xin ly hôn với chị Trần Thùy H . HĐXX xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào lời khai của anh N , chị H có đăng kí HKTT tại: Số nhà 167, tổ 12, cụm 2, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội và hiện đang trú tại: Số nhà 12, ngõ 310, ngách 50, lô 54, đường Nghi Tàm, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào xác minh tại Công an phường Tứ Liên, chị H hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 310, ngách 50, lô 54, đường Nghi Tàm, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của anh Nguyễn Doãn N là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Toà án đã tiến hành thông báo hợp lệ cho bị đơn về các lần mở phiên toà xét xử vụ án. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, chị H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, sau khi nghị bàn, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Doãn N và chị Trần Thùy H đăng kí kết hôn vào ngày 31/12/2020 tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Theo anh N trình bày thì chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm đến ai. Anh, chị thường xuyên cãi nhau, chửi nhau, có đánh nhau; anh, chị gần như không chung sống với nhau. Chị H không đến Tòa án và không trình bày ý kiến. HĐXX nhận thấy:

Trước đây, do tổ chức kết hôn nhưng không đăng kí kết hôn nên anh N đã từng làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H đến Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai và đã được chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Điều đó thể hiện anh, chị trong quá trình chung sống đã có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hòa giải. Sau đó, anh N và chị H cũng đã đăng kí kết hôn tìm phương án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, hai vợ chồng vẫn tiếp tục nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thậm chí anh, chị sau khi đăng kí kết hôn cũng không chung sống, mỗi người ở một nơi. Điều đó thể hiện mục đích của hôn nhân không đạt được, giữa chị H và anh N không còn tình nghĩa vợ chồng, mỗi người sống một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Do vậy, anh N tiếp tục làm đơn đến Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, đề nghị yêu cầu xin ly hôn với chị H là có căn cứ, cần được xem xét.

Kết quả xác minh tại địa phương nơi chị H sinh sống và ý kiến đại diện gia đình cũng thể hiện mâu thuẫn của anh chị là có thật. Anh, chị tuy không trình báo nhưng có trao đổi với tổ dân phố, chính quyền địa phương nơi chị H

sinh sống về mâu thuẫn vợ chồng. Đại diện gia đình anh N cũng trình bày về việc anh, chị có mâu thuẫn đã lâu.

Kể từ thời điểm anh N khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án, mặc dù đã được Toà án thông báo việc anh N có đơn xin ly hôn nhưng chị H không lên Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải tại Tòa án, không trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh N . Điều này thể hiện chị không có thiện chí hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng. Nay thời gian anh, chị sống ly thân cũng đã lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau, việc hòa giải không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế cho thấy anh, chị đã được Tòa án hòa giải nhưng chị H vắng mặt. Xét quan hệ hôn nhân của anh chị không phù hợp với Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng, cụ thể như sau "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau ...*". Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, anh N có yêu cầu xin ly hôn đối với chị H là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn L1 – sinh ngày 10/4/2010. Anh N đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, anh N tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng; chị H không trình bày ý kiến về vấn đề con chung. HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thì chị H đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L1 . Hiện, cháu L1 đang ở cùng chị H và ông, bà ngoại tại địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 310, ngách 50, lô 54, đường Nghi Tàm, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Tòa án đã mời đại diện gia đình chị H đến làm việc nhưng bố, mẹ chị H không đến, tuy nhiên, bố mẹ chị H cũng không có ý kiến phản đối về việc chị H và cháu L1 ở cùng. Cháu L1 cũng có nguyện vọng ở cùng mẹ. Bản thân anh N cũng trình bày lời khai chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng

cháu, công việc của chị chỉ làm giờ hành chính, đảm bảo điều kiện về mặt thời gian để lo cho cháu.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao con cho ai nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của các đương sự thấy rằng chị H có đủ điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung bảo gồm cả khả năng bảo vệ con chung khỏi bị xâm hại, sao nhãng, bóc lột. Do đó để đảm bảo sự ổn định, liên tục và giảm thiểu sự xáo trộn với môi trường sống và giáo dục của trẻ, HĐXX có cơ sở để giao cháu L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Theo anh N trình bày thì anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Điều này là có lợi cho cháu L1 và tạo điều kiện về mặt kinh tế khi chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1 . Do vậy, HĐXX chấp nhận ý kiến của anh N , anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở

- Về tài sản, nhà đất chung, công nợ: Anh N , chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ và 300.000 đống án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Doãn N . Anh Nguyễn Doãn N được ly hôn với chị Trần Thùy H .

- Về con chung: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn L1 – sinh ngày 10/4/2010..

Giao cháu L1 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; anh N cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Doãn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 32988 ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ. Anh N còn phải đóng 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- UBND xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên (GCNKH số 16/2003, quyển số 1/KH, ngày 29/10/2003);
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp